

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN EAKAR

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 43/2023/DS-ST

Ngày 31 - 7 - 2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán cám”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 250/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán cám”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-DS, ngày 21 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Đặng Đình T – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố E, TT. E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Quang H – sinh năm 1973.

Địa chỉ: Sô A, thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Bùi Văn V và bà Trần Thị H1. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Quang H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ông T đã nhiều lần bán cám chăn nuôi cho vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Trần Thị H1. Sau đó các bên đã thống nhất chốt số tiền ông V bà H1 còn nợ là 61.245.000đồng. Từ khi chốt số tiền nợ đến nay vợ chồng ông V bà H1 không trả cho ông T khoản tiền nào. Do đó, ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ông V bà H1 phải trả số tiền còn nợ là 61.245.000 đồng. Về lãi suất, ông T không yêu cầu tính tiền lãi.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/07/2023, biên bản hòa giải ngày 03/07/2023, bị đơn ông Bùi Văn V trình bày:*

Tôi với ông T trước đây có quan hệ đầu tư làm ăn với nhau, cụ thể ông T đầu tư cám thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng tôi trong khoảng thời gian năm 2018 – 2019. Đến cuối năm 2019, có tính toán chốt số tiền nợ cám là 61.245.000 đồng. Đối với giấy ghi nợ ông T cung cấp có chữ ký “V” tôi thừa nhận là chữ ký của tôi.

Sau đó ông T tự ý dừng đầu tư cám, làm ảnh hưởng đến việc chăn nuôi heo của gia đình, dẫn đến vợ chồng tôi không có lợi nhuận để thanh toán tiền cám cho ông T. Vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của ông T với số tiền cám đã đầu tư thì khi nào vợ chồng tôi có thì sẽ trả và trả làm nhiều đợt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ để bị đơn bà Trần Thị H1 tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng bà H1 vắng không lý do.

Ngày 21 tháng 07 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng bị đơn ông Bùi Văn V, bà Trần Thị H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố

tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông V bà H1.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Văn V, bà Trần Thị H1 có trách nhiệm trả cho ông Đặng Đình T 61.245.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ tiền mua cám. Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán cám” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả 61.245.000 đồng.

Xét, quá trình làm ăn, ông Đặng Đình T có bán cám cho ông Bùi Văn V, bà Trần Thị H1 nhằm mục đích chăn nuôi, sau nhiều lần mua bán thì các bên có chốt công nợ và theo nội dung chốt công nợ xác định bên mua còn nợ 61.245.000 đồng. Từ thời điểm các bên chốt nợ cho đến nay chưa thực hiện nghĩa vụ trả. Do đó, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua được quy định tại khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có

căn cứ cần chấp nhận.

Mặc dù, thời điểm chốt sổ nợ tiền cám không có bà H1 (vợ ông V) tham gia, nhưng căn cứ lời khai của bị đơn ông Bùi Văn V thừa nhận trong giai đoạn từ năm 2018 – 2019 vợ chồng có mua cám của ông Đặng Đình T, nhằm mục đích chăn nuôi, đồng thời thừa nhận còn nợ của ông T 61.245.000 đồng. Do đó, đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân, việc mua cám về nhằm phục vụ mục đích chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, nên cần buộc bà H1 có trách nhiệm cùng với ông V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T số tiền 61.245.000 đồng.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 430, 440 của Bộ Luật dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Đình T.
 - Buộc bị đơn ông Bùi Văn V, bà Trần Thị H1 có trách nhiệm trả cho ông Đặng Đình T 61.245.000 đồng (Sáu mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Ông Bùi Văn V, bà Trần Thị H1 phải nộp 3.062.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Đình T 1.531.125 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0020237, ngày 06 tháng 10 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- THADS huyện E;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Trí Lý

